

## Tình hình xuất nhập khẩu của địa bàn Singapore tháng 10 và 10 tháng năm 2023

Trong tháng 10/2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (XNK) của Singapore với thế giới đạt hơn 110,12 tỷ SGD, tăng 0,33% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó xuất khẩu (XK) đạt hơn 58,16 tỷ SGD, tăng 2,81% và nhập khẩu (NK) hơn 51,95 tỷ SGD, giảm 2,31%.

Trong kim ngạch hàng XK, hàng hoá có xuất xứ từ Singapore đạt hơn 26,32 tỷ SGD (tăng 3,03%) và hàng hoá có xuất xứ từ nước thứ 3 đạt hơn 31,84 tỷ SGD (tăng 2,63%), chiếm lần lượt 45,25% và 54,75% tổng kim ngạch XK của Singapore.

<b>Bảng 1: Thống kê tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Singapore với Thế giới trong tháng 10 năm 2023</b>				
<i>(Đơn vị: nghìn SGD, %)</i>				
TT	Kim ngạch	T10/2022	T10/2023	Tăng, giảm (%)
1	Xuất nhập khẩu	109,759,291	110,121,167	0.33
2	Xuất khẩu	56,576,348	58,166,473	2.81
3	Nhập khẩu	53,182,943	51,954,695	-2.31
4	+ Hàng có xuất xứ từ Singapore	25,545,994	26,321,207	3.03
5	+ Hàng tái xuất đi nước thứ ba	31,030,354	31,845,266	2.63

Tính chung cả 10 tháng của năm 2023, kim ngạch XNK của Singapore với thế giới đạt gần 1.004 tỷ SGD, giảm 13,13 % so với cùng kỳ năm 2022, trong đó XK hơn 530,61 tỷ SGD (giảm 11,68%) và NK hơn 473,3 tỷ SGD (giảm 14,71%).

<b>Bảng 2: Thống kê tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Singapore với Thế giới trong 10 tháng của năm 2023</b>				
<i>(Đơn vị: nghìn SGD, %)</i>				
TT	Kim ngạch	10T/2022	10T/2023	Tăng, giảm (%)
1	Xuất nhập khẩu	1,155,715,977	1,003,920,179	-13.13
2	Xuất khẩu	600,803,771	530,617,193	-11.68
3	Nhập khẩu	554,912,206	473,302,987	-14.71
4	+ Hàng có xuất xứ từ Singapore	280,268,872	238,045,475	-15.07
5	+ Hàng tái xuất đi nước thứ ba	320,534,899	292,571,717	-8.72

## 1.2 Với 15 đối tác thương mại lớn (xét trong 10 tháng của năm 2023):

**Bảng 3: Thống kê thương mại hai chiều của Singapore với 15 đối tác lớn nhất trong 10 tháng của năm 2023**

(Đơn vị: nghìn SGD, %)

TT	Đối tác	10T/2022	10T/2023	Tăng, giảm (%)
1	Trung Quốc	145,949,970	138,462,331	-5.13
2	Mỹ	112,140,898	106,523,533	-5.01
3	Malaysia	129,513,839	103,914,449	-19.77
4	Đài Loan	98,030,858	77,551,082	-20.89
5	Hong Kong	70,692,146	57,711,145	-18.36
6	Indonesia	64,489,489	57,102,034	-11.46
7	Hàn Quốc	59,850,049	51,342,400	-14.21
8	Nhật Bản	55,263,514	45,214,622	-18.18
9	Thái Lan	36,210,864	34,702,146	-4.17
10	Ấn Độ	25,983,367	24,053,601	-7.43
<b>11</b>	<b>Việt Nam</b>	<b>26,722,268</b>	<b>24,020,408</b>	<b>-10.11</b>
12	Australia	29,321,599	23,987,132	-18.19
13	Đức	20,926,402	20,461,901	-2.22
14	UAE	25,887,484	19,418,950	-24.99
15	Pháp	19,049,219	19,349,584	1.58

Trong 10 tháng của năm 2023 (so với cùng kỳ 2022), kim ngạch XNK giữa Singapore với 14/15 đối tác lớn nhất (chiếm khoảng 80,07% tổng kim ngạch XNK của Singapore với thế giới) tăng trưởng âm, một số đối tác có mức giảm khá lớn như UAE (giảm 24,99%), Đài Loan (giảm 20,89%)... Trung Quốc, Mỹ và Malaysia vẫn là 3 đối tác thương mại lớn nhất của Singapore với tổng kim ngạch thương mại xấp xỉ lần lượt là: 138,5 tỷ SGD; 106,52 tỷ SGD và 103,91 tỷ SGD. Sau 10 tháng của năm 2023, Việt Nam vẫn giữ vị trí là đối tác thương mại lớn thứ 11 của Singapore với kim ngạch thương mại hai chiều khoảng 24,02 tỷ SGD, giảm 10,11%.

**Về nhập khẩu:** Trong 10 tháng của năm 2023, các thị trường nhập khẩu chính của Singapore vẫn là Trung Quốc, Mỹ, Đài Loan, Malaysia, Hàn Quốc, Nhật Bản, Indonesia... Việt Nam hiện đứng thứ 21 trong số các đối tác nhập khẩu lớn nhất của Singapore. 17/21 đối tác nhập khẩu của Singapore có kim ngạch NK tăng trưởng âm, một số đối tác có mức giảm cao như Philippines (giảm 44,67%), UAE (giảm 30,45%)... Trung Quốc tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất với kim ngạch hơn 65,77 tỷ SGD, giảm 7,23%. Tiếp theo sau là Mỹ (thứ 2) và Malaysia (thứ 3), với kim ngạch lần lượt là 57,23 tỷ SGD (giảm 4,33%) và 54,36 tỷ SGD (giảm 20,83%).

**Bảng 4: Thống kê nhập khẩu của Singapore với các đối tác lớn nhất trong 10 tháng của năm 2023**

(Đơn vị: nghìn SGD, %)

TT	Đối tác	10T/2022	10T/2023	Tăng, giảm (%)
1	Trung Quốc	70,905,424	65,777,632	-7.23
2	Mỹ	59,820,968	57,229,949	-4.33
3	Đài Loan	68,658,607	54,358,504	-20.83
4	Malaysia	69,106,324	53,556,346	-22.50
5	Hàn Quốc	36,151,594	28,201,622	-21.99
6	Nhật Bản	31,375,257	23,684,716	-24.51
7	Indonesia	20,984,825	17,824,995	-15.06
8	Pháp	14,579,835	15,518,390	6.44
9	Thái Lan	15,647,848	13,417,388	-14.25
10	UAE	19,226,087	13,372,478	-30.45
11	Đức	11,494,813	11,391,042	-0.90
12	Thụy sỹ	13,511,872	10,013,669	-25.89
13	Anh	8,921,172	9,589,447	7.49
14	Ấn Độ	9,991,712	7,922,106	-20.71
15	Saudi Arabia	10,869,364	7,919,466	-27.14
18	Australia	9,955,512	7,402,411	-25.65
16	Brazil	8,280,548	6,735,077	-18.66
17	Qatar	5,926,009	6,564,526	10.77
19	ITALY	5,571,230	6,230,257	11.83
20	PHILIPPINES	10,335,540	5,719,046	-44.67
21	<b>Việt Nam</b>	<b>6,517,864</b>	<b>5,356,993</b>	<b>-17.81</b>

**Về xuất khẩu:** Trong 10 tháng của năm 2023, các thị trường xuất khẩu chính của Singapore là Trung Quốc, Hong Kong, Malaysia, Mỹ, Indonesia, Đài Loan, Hàn Quốc,... *Việt Nam là thị trường xuất khẩu thứ 10 của Singapore.* Các thị trường xuất khẩu hàng đầu là Trung Quốc, Hong Kong, Malaysia lần lượt đạt kim ngạch 72,68 tỷ SGD (giảm 3,14%), 55,17 tỷ SGD (giảm 17,59%), và 50,36 tỷ SGD (giảm 16,64%).

**Bảng 5: Thống kê xuất khẩu của Singapore với 20 đối tác lớn nhất trong 10 tháng của năm 2023**

(Đơn vị: nghìn SGD, %)

TT	Đối tác	10T/2022	10T/2023	Tăng, giảm (%)
1	Trung Quốc	75,044,545	72,684,699	-3.14
2	Hong Kong	66,952,654	55,172,553	-17.59
3	Malaysia	60,407,515	50,358,103	-16.64
4	Mỹ	52,319,931	49,293,585	-5.78
5	Indonesia	43,504,664	39,277,039	-9.72
6	Đài Loan	29,372,251	23,192,579	-21.04
7	Hàn Quốc	23,698,455	23,140,778	-2.35
8	Nhật Bản	23,888,257	21,529,906	-9.87
9	Thái Lan	20,563,017	21,284,758	3.51
10	<b>Việt Nam</b>	<b>20,204,405</b>	<b>18,663,415</b>	<b>-7.63</b>

11	Australia	19,366,087	16,584,721	-14.36
12	Ấn Độ	15,991,655	16,131,495	0.87
13	Philippines	12,744,479	11,282,889	-11.47
14	Hà Lan	12,893,419	9,738,325	-24.47
15	Đức	9,431,589	9,070,859	-3.82
18	UAE	6,661,397	6,046,472	-9.23
16	Liberia	6,281,382	5,983,753	-4.74
17	Panama	7,114,851	5,928,920	-16.67
19	Bỉ	7,330,102	5,837,368	-20.36
20	Quần đảo Marshall	6,245,122	5,094,482	-18.42

### 1.3 Theo ngành hàng:

**Về XK:** Trong tháng 10, XK của Singapore ra thế giới đã có tín hiệu tích cực khi 3/4 ngành hàng chủ lực (kim ngạch trên 3 tỷ SGD) tăng trưởng dương cụ thể: máy móc, thiết bị, điện thoại di động và phụ kiện (19,76 tỷ SGD, tăng 2,19%); lò phản ứng, nồi hơi, máy công cụ và trang thiết bị phụ tùng của các loại máy trên (9,86 tỷ SGD, tăng 2,38%); xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ (8,15 tỷ SGD, tăng 21,33%). Ngoài ra một số nhóm ngành khác cũng đạt mức tăng trưởng dương khá cao là: Hàng hóa khác (tăng gần 78,61%); Hóa chất (tăng 40,08%); Phương tiện tàu bay, tàu vũ trụ & các bộ phận (tăng 21,2%).

**Về NK:** Trong tháng 10, cả 2/3 nhóm ngành hàng NK chủ lực tiếp tục sụt giảm, cụ thể: Máy móc, thiết bị, điện thoại di động và phụ kiện (15,69 tỷ SGD, giảm 6,47%), Lò phản ứng, nồi hơi, máy công cụ và trang thiết bị phụ tùng của các loại máy trên (7,2 tỷ SGD, giảm 16,34%). 6/21 nhóm ngành hàng NK có tỷ trọng trung bình (dưới 3 tỷ SGD) tăng trưởng dương, một số nhóm có mức tăng mạnh như: Hàng hóa khác (tăng 1,65 lần); Phương tiện tàu bay, tàu vũ trụ & các bộ phận (tăng 41,83%).

## 2. Phân tích cán cân XNK Việt Nam – Singapore:

**Về tổng quan,** trong tháng 10, tổng kim ngạch XNK giữa Việt Nam và Singapore đạt gần 2,26 tỷ SGD, tăng 0,57% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó đáng chú ý XK từ Việt Nam sang Singapore lần đầu tiên tăng trưởng dương từ đầu năm 2023 với mức khá mạnh, tăng 11,87% đạt 584,46 triệu SGD đồng thời NK cũng chỉ còn giảm nhẹ, đạt hơn 1,68 tỷ SGD, giảm 2,84%.

Trong cơ cấu hàng hóa từ Singapore xuất sang Việt Nam, hàng hóa có xuất xứ Singapore đạt 428,16 triệu SGD, giảm 30,27% và hàng hóa từ nước 3 qua Singapore xuất sang Việt Nam đạt hơn 1,25 tỷ SGD (chiếm 75% kim ngạch XK), tăng 12,24%. Mặc dù mức thâm hụt giữa NK và XK ước gần 1,1 tỷ SGD song nếu chỉ tính riêng cán cân thương mại giữa hàng hóa Việt Nam và hàng hóa có xuất xứ Singapore thì Việt Nam xuất siêu khoảng 156,3 triệu SGD.

Lũy kế 10 tháng đầu năm 2023, kim ngạch XNK hai chiều giữa Việt Nam và Singapore đạt hơn 24 tỷ SGD, giảm 10,11% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó XK đạt hơn 5,35 tỷ SGD, giảm 17,81% và NK gần 18,66 tỷ SGD, giảm 7,63%.

Xét về xuất xứ hàng hóa, thì hàng tạm nhập tái xuất qua Singapore vào Việt Nam chiếm 71,5% tổng kim ngạch hàng XK từ Singapore vào Việt Nam, tương đương 13,34 tỷ SGD. Trong khi đó, nếu tính riêng hàng hóa có xuất xứ từ Singapore, thì Việt Nam chỉ nhập siêu khoảng 38,14 triệu SGD.

**Bảng 6: Thống kê tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Singapore trong tháng 10 năm 2023**

(Đơn vị tính: nghìn SGD, %)

TT	Kim ngạch	T10/2022	T10/2023	Tăng, giảm (%)
1	Xuất nhập khẩu	2,252,995	2,265,820	0.57
2	Xuất khẩu	522,441	584,461	11.87
3	Nhập khẩu	1,730,554	1,681,359	-2.84
4	+ Hàng có xuất xứ từ Singapore	614,051	428,156	-30.27
5	+ Hàng tái xuất từ nước thứ ba	1,116,504	1,253,203	12.24

**Bảng 7: Thống kê tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Singapore trong 10 tháng đầu năm 2023**

(Đơn vị tính: nghìn SGD, %)

TT	Kim ngạch	10T/2022	10T/2023	Tăng, giảm (%)
1	Xuất nhập khẩu	26,722,268	24,020,408	-10.11
2	Xuất khẩu	6,517,864	5,356,993	-17.81
3	Nhập khẩu	20,204,405	18,663,415	-7.63
4	+ Hàng có xuất xứ từ Singapore	5,941,262	5,318,853	-10.48
5	+ Hàng tái xuất từ nước thứ ba	14,263,143	13,344,561	-6.44

***Về nhóm ngành hàng xuất khẩu từ Việt Nam sang Singapore***

Trong tháng 10, hàng loạt nhóm ngành XK sang Singapore có mức tăng trưởng rất mạnh, thậm chí đột biến như Sắt thép (tăng 17,78 lần), xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ (tăng gần 120 lần). Đáng chú ý có 2 nhóm ngành tiếp tục giữ được mức tăng trưởng mạnh so với các tháng trước và cùng kỳ năm trước là: Dầu thực động vật, chất béo (tăng 136,91%); muối, lưu huỳnh, đất và đá, thạch cao, vôi và xi măng (tăng 133,49%). Ở các nhóm hàng XK chủ lực: Máy móc, thiết bị, điện thoại di động, linh kiện và phụ tùng các loại tăng nhẹ ở mức 1,55 %; Lò phản ứng, nồi hơi, máy công cụ và trang thiết bị phụ tùng của các loại máy trên (giảm 13,02%). Sau 02 tháng có mức tăng trưởng mạnh, Nhóm Gạo và ngũ cốc đã có sự chững lại, giảm 9,32% cùng kỳ. Ở chiều ngược lại, một số nhóm tiếp tục có mức sụt giảm khá mạnh là Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh (giảm 27,77%); Máy quang học, dụng cụ đo lường, thiết bị y tế, đồng hồ, nhạc cụ và phụ kiện các loại (giảm 40,6%)...

<b>Bảng 7a: Thống kê kim ngạch những mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Singapore trong tháng 10 năm 2023</b>				
<i>(Đơn vị tính: nghìn SGD, %)</i>				
<b>TT</b>	<b>Mặt hàng</b>	<b>T10/2022</b>	<b>T10/2023</b>	<b>Tăng, giảm (%)</b>
1	Máy móc, thiết bị, điện thoại di động, linh kiện và phụ tùng các loại (HS 85)	202,766	205,907	1.55
2	Lò phản ứng, nồi hơi, máy công cụ và trang thiết bị phụ tùng của các loại máy trên (HS 84)	104,274	90,697	-13.02
3	Sắt thép (HS 72)	2,625	49,313	1778.59
4	Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh (HS 70)	57,486	41,521	-27.77
5	Muối; lưu huỳnh; đất & đá; thạch cao, vôi & xi măng (HS 25)	8,575	20,022	133.49
6	Dầu thực động vật, chất béo (HS 15)	8,190	19,403	136.91
7	Giày dép các loại (HS 64)	22,082	15,905	-27.97
8	Quần áo may mặc (HS 61)	9,029	14,748	63.34
9	Xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ (HS 27)	11	12,984	117936.36
10	Thủy sản (HS 03)	10,491	11,463	9.27
11	Quần áo may mặc không thuộc hàng dệt kim (HS 62)	7,287	9,965	36.75
12	Gạo và ngũ cốc (HS 10)	9,352	8,480	-9.32
13	Da, các sản phẩm từ da và túi du lịch các loại (HS 42)	3,907	7,982	104.30
14	Giấy và các sản phẩm từ giấy (HS 48)	5,577	6,259	12.23
15	Thuốc lá và các sản phẩm thay thế thuốc lá (HS 24)	4,224	5,718	35.37
16	Máy quang học, dụng cụ đo lường, thiết bị y tế, đồng hồ, nhạc cụ và phụ kiện các loại (HS 90)	6,923	4,112	-40.60
17	Gỗ và các sản phẩm đồ gỗ (HS 44)	3,564	3,513	-1.43
18	Nhựa và các sản phẩm từ nhựa (HS 39)	3,310	3,506	5.92
19	Các sản phẩm từ sắt thép (HS 73)	3,415	3,352	-1.84
20	Thuốc nhuộm, sơn, mực màu các loại (HS 32)	3,538	3,127	-11.62
21	Đồ nội thất và các sản phẩm liên quan khác (HS 94)	4,299	3,087	-28.19

***Về nhóm ngành hàng nhập khẩu từ Singapore vào Việt Nam:***

11/21 nhóm ngành hàng NK có mức tăng trưởng dương, trong đó có nhóm có kim ngạch NK lớn nhất là Máy móc, thiết bị, điện thoại di động, linh kiện và phụ tùng các loại tăng mạnh so với cùng kỳ (tăng 39,5%). Trong khi đó 2 nhóm NK chính khác lại sụt giảm mạnh, cụ thể Xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ (giảm 55,2%) và Lò phản ứng, nồi hơi, máy công cụ và trang thiết bị phụ tùng của các loại máy trên (giảm 37,07%). Một số nhóm có mức tăng rất mạnh như như Bột gỗ và giấy hoặc bao bì giấy phế liệu (tăng 320,7%); Thuốc lá và các sản phẩm thay thế thuốc lá (tăng 470,66%).

**Bảng 7b: Thống kê kim ngạch những mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ Singapore trong tháng 10 năm 2023**

(Đơn vị tính: nghìn SGD, %)

TT	Mặt hàng	T10/2022	T10/2023	Tăng, giảm (%)
1	Máy móc, thiết bị, điện thoại di động, linh kiện và phụ tùng các loại (HS 85)	598,085	834,317	39.50
2	Xăng dầu và các sản phẩm từ dầu mỏ (HS 27)	305,812	137,019	-55.20
3	Lò phản ứng, nồi hơi, máy công cụ và trang thiết bị phụ tùng của các loại máy trên (HS 84)	215,865	135,845	-37.07
4	Nhựa và các sản phẩm từ nhựa (HS 39)	159,133	103,716	-34.82
5	Nước hoa, mỹ phẩm (HS 33)	64,741	60,348	-6.79
6	Thức ăn và các sản phẩm chế biến (HS 21)	41,173	55,685	35.25
7	Máy quang học, dụng cụ đo lường, thiết bị y tế, đồng hồ, nhạc cụ và phụ kiện các loại (HS 90)	37,348	41,880	12.13
8	Thuốc lá và các sản phẩm thay thế thuốc lá (HS 24)	6,814	38,885	470.66
9	Hóa chất (HS 29)	26,631	35,897	34.79
10	Các sản phẩm từ hóa chất (HS 38)	24,520	29,270	19.37
11	Rượu và đồ uống (HS 22)	29,405	27,989	-4.82
12	Phương tiện tàu bay, tàu vũ trụ & các bộ phận (HS 88)	12,776	17,745	38.89
13	Bru phẩm (HS 98)	27,570	15,741	-42.91
14	Giấy và các sản phẩm từ giấy (HS 48)	12,816	12,702	-0.89
15	Đồng hồ, đồng hồ cá nhân và các bộ phận (HS 91)	9,732	10,286	5.69
16	Dược phẩm (HS 30)	11,807	9,991	-15.38
17	Ngọc trai, đá quý, và các sản phẩm kim hoàn (HS 71)	7,165	9,437	31.71
18	Thuốc nhuộm, sơn, mực màu các loại (HS 32)	7,670	7,650	-0.26
19	Bột gỗ và giấy hoặc bao bì giấy phế liệu (HS 47)	1,777	7,476	320.71
20	Sữa và các chế phẩm từ ngũ cốc (HS 19)	6,242	6,954	11.41
21	Xe cộ và các thiết bị vận tải ngoại trừ xe chạy trên đường ray (HS 87)	6,281	5,871	-6.53

### 3. Phân tích, đánh giá:

Tình hình thương mại trong tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2023 của Singapore với thế giới bắt đầu cho thấy tín hiệu tích cực khi số liệu Tổng kim ngạch 2 chiều và Kim ngạch XK tăng trưởng dương (lần lượt đạt 0.33% và 2,81%) trong khi Kim ngạch NK chỉ giảm nhẹ so với cùng kỳ (giảm 2,31%).

Kim ngạch thương mại giữa Việt Nam và Singapore trong tháng 10/2023 tăng trưởng dương do mức tăng khá tốt của kim ngạch XK từ Việt Nam sang Singapore (đạt 11,87%). Như vậy sau khi có sự sụt giảm trong tháng 9, số liệu thương mại của tháng 10 tiếp tục duy trì được tín hiệu tích cực đã bắt đầu từ tháng 7 và tháng 8 năm nay.

Để hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam tốt hơn, trong thời gian tới, Thương vụ sẽ tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam trưng bày hàng hóa, quảng bá sản phẩm quảng bá thương hiệu, tăng cường kết nối giao thương, hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa vào thị trường Singapore; hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận, chào hàng và trưng bày sản phẩm ở các sự kiện tại Singapore.

Hỗ trợ các đoàn doanh nghiệp Singapore vào Việt Nam tìm kiếm nguồn hàng, xúc tiến đầu tư công nghiệp, thương mại và dịch vụ vào Việt Nam.

Dự kiến: cuối tháng 11/2023, Thương vụ sẽ hỗ trợ dẫn đoàn doanh nghiệp về Thành phố Hồ Chí Minh và Long An để xúc tiến đầu tư công nghiệp, xúc tiến thương mại và dịch vụ vào các địa phương. Giữa tháng 12/2023, Thương vụ sẽ hỗ trợ dẫn đoàn Cơ quan quản lý Thực phẩm Singapore và một số doanh nghiệp về dự Festival quốc tế ngành hàng Lúa gạo Việt Nam - Hậu Giang 2023 và làm việc với các tỉnh Hậu Giang, Cần Thơ.